

**BÁO CÁO**  
**Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2021**

Kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới đang phục hồi sau một năm tăng trưởng âm. Làn sóng đại dịch thứ tư của nước ta bùng phát vào tháng 4, lan rộng và phong tỏa kéo dài kể từ tháng 6, nhất là ở các tỉnh khu vực phía Nam đã làm giảm đà phục hồi kinh tế trong nước, gây khó khăn cho các doanh nghiệp và thị trường lao động.

Chín tháng đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh tiếp tục được khống chế, kiểm soát tốt, cơ bản không để dịch xảy ra trên diện rộng và lây lan trong cộng đồng. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phong tỏa ở các địa phương từ tháng 8 đến nửa đầu tháng 9 đã làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhất là hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải. Tuy nhiên, với các biện pháp linh hoạt trong kiểm soát dịch bệnh, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và người dân trong việc chủ động ứng phó với dịch bệnh, duy trì các hoạt động kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới; các lĩnh vực kinh tế 9 tháng đầu năm của tỉnh vẫn phát triển ổn định, phục hồi so với cùng kỳ, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tình hình cụ thể như sau:

**1. Tín dụng, ngân hàng<sup>1</sup>**

*Hoạt động ngân hàng bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện tốt các cơ chế, chính sách tiền tệ; cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;...*

Ước tính đến hết tháng 9 năm 2021, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 67.500 tỷ đồng, tăng 7,0% so với thời điểm 31/12/2020, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2020; dư nợ tín dụng ước đạt 78.800 tỷ đồng, tăng 9,5% so với

---

<sup>1</sup> Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Phú Thọ

thời điểm 31/12/2020, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2020. Ước tính đến hết 31/8/2021, nợ xấu khoảng 631 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn 0,80%;...

## 2. Chỉ số giá

*Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, giãn cách xã hội trong thời gian qua đã tác động tiêu cực đến các loại hình kinh doanh dịch vụ tiêu dùng, dẫn đến sức mua trên thị trường giảm, khiến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng đầu năm 2021 giảm so với cùng kỳ 0,44%.*

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2021 giảm 0,13% so với tháng trước, tăng 0,64% so với tháng 12 năm trước (*sau 9 tháng*), tăng 0,03% so với tháng cùng kỳ (*sau 12 tháng*);...

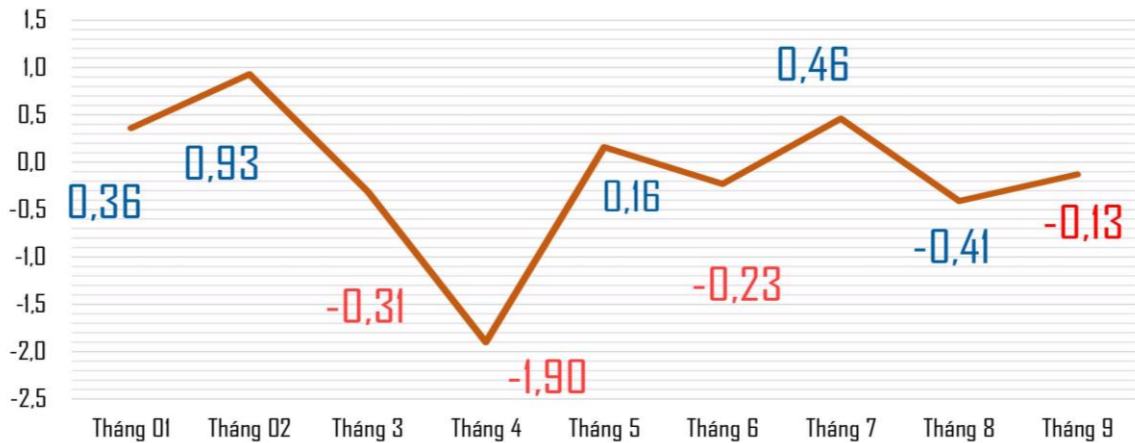
Các yếu tố giúp kiềm chế CPI tháng này so với tháng trước bao gồm giao thông giảm 0,66% (*xăng giảm 1,59%; dầu diesel giảm 1,58%*)<sup>2</sup>; văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,59% (*nhóm hàng văn hóa giảm 0,75%; nhóm hoa cây cảnh, vật cảnh giảm 0,97%*); hàng hoá và dịch vụ khác giảm 0,48% (*hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân giảm 1,12%; dịch vụ hiếu hỉ giảm 0,19%*); nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,21% (*nhà ở giảm 0,13%; điện sinh hoạt giảm 0,78%; dầu hỏa giảm 1,36%*); hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,16% (*chủ yếu do thực phẩm giảm 0,71%, trong đó thịt lợn giảm 2,18%; thịt bò giảm 0,08%; nội tạng động vật giảm 1,23%; nhóm thịt gia cầm giảm 0,46%; nhóm thịt chế biến giảm 2,83%*); giáo dục giảm 0,06%;... Các nhóm hàng tăng cao so với tháng trước gồm: may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,64%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,1%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,06%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,02%;... Riêng nhóm bưu chính viễn thông duy trì ổn định không tăng.

Chỉ số giá Vàng tháng 9/2021 so với tháng trước tăng 0,14%, giá bán bình quân trong tháng 5.150.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 0,26%, giá bán bình quân trong tháng 23.202 VNĐ/USD.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2021 giảm 0,44% so với cùng kỳ, các yếu tố tác động giảm CPI đến từ: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 4,05%; văn hoá, giải trí và du lịch giảm 1,81%; bưu chính viễn thông giảm 1,8%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 1,27%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,23%;...

<sup>2</sup> Giá xăng, dầu điều chỉnh tăng ngày 25/9 chưa tính vào chu kỳ giá này (*Chu kỳ giá được tính từ ngày 24 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 23 tháng báo cáo*).

### Chỉ số giá tiêu dùng các tháng năm 2021 so với tháng trước (%)



### 3. Đầu tư và Xây dựng

Các nhà thầu tập trung đẩy nhanh các hạng mục công trình nhất là công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý, nhờ đó tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ, đạt mức 9,1%. Trong đó vốn đầu tư của dân cư và tư nhân tăng 9,8% và tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm 59,9% tổng vốn); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tăng khá.

#### a) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

Quý III, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh ước đạt 8.972,3 tỷ đồng, tăng 11,8% so với quý trước và tăng 25,1% so với quý cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân ước đạt 5.483,0 tỷ đồng, tăng 22,8% so với cùng kỳ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 1.619,1 tỷ đồng, tăng 24,9%; vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước ước đạt 1.870,1 tỷ đồng, tăng 32,8% so với cùng kỳ;...

#### Một số chỉ tiêu Vốn đầu tư thực hiện

	Ước thực hiện quý III/2021 (Tỷ đồng)	Quý	
		III/2021 so với Quý III/2020 (%)	Quý III-2021 so với Quý II/2021 (%)
Tổng số	8.972,3	125,1	111,8
<i>Trong đó:</i>			
Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	1.870,1	132,8	108,3
Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	5.483,0	122,8	114,9
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.619,1	124,9	106,0

Ước tính 9 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành đạt 23.252,3 tỷ đồng, đạt 68,4% kế hoạch năm, tăng 10,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân ước đạt 13.922,4 tỷ đồng, chiếm 59,9% tổng vốn, tăng 9,8%; vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước ước đạt 5.017,2 tỷ đồng, chiếm 21,6% tổng vốn, tăng 15,3%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 4.312,7 tỷ đồng, chiếm 18,5% tổng vốn, tăng 5,8%;...

Trong Vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.698,2 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.714,2 tỷ đồng, tăng 9,3%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 714,1 tỷ đồng, tăng 14,8%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt 270,0 tỷ đồng, tăng 16,2%;...

Một số công trình thuộc nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý có giá trị đầu tư đạt khá trong 9 tháng đầu năm 2021 gồm: cải tạo nâng cấp đường tỉnh 317C ước đạt 108,1 tỷ đồng; dự án đầu tư xây dựng trường THPT Chuyên Hùng Vương ước đạt 71,9 tỷ đồng; dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Âu Cơ ước đạt 64 tỷ đồng; dự án khu du lịch Văn Lang thành phố Việt Trì ước đạt 45,5 tỷ đồng; công trình nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường nội thị thành phố Việt Trì như đường Xuân Nương, đường Vũ Duệ, đường Minh Lang ước đạt 38 tỷ đồng; dự án cải tạo, nâng cấp và gia cố đoạn km62+600-km69 đê hữu Sông Thao giai đoạn 1 ước đạt 36,8 tỷ đồng; hoàn thiện tu bổ, tôn tạo hạ tầng, cảnh quan trung tâm lễ hội khu Di tích Lịch sử Đền Hùng ước đạt 31,5 tỷ đồng; dự án xây dựng hệ thống đường ống nối tiếp từ công trình đập ngòi Lao cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Cẩm Khê ước đạt 31 tỷ đồng; cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu ngòi hiêng, huyện Hạ Hòa ước đạt 29,1 tỷ đồng; dự án đường giao thông liên huyện Thanh Thủy - Thanh Sơn ước đạt 21,3 tỷ đồng; dự án đường Hai Bà Trưng, đường Nguyễn Tất Thành đến nút giao với đường Vũ Thê Lang ước đạt 21,1 tỷ đồng;...

#### b) Xây dựng

Hoạt động xây lắp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, quý III/2021 tăng 7,5% so với quý trước và tăng 3,1% so với cùng kỳ, tập trung chủ yếu ở công trình nhà ở và công trình kỹ thuật dân dụng. Sau 9 tháng, xây lắp tăng trưởng 9,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó giá trị xây lắp nhà ở giảm 2,2%; giá trị xây lắp nhà không ở tăng 48,4%; giá trị xây lắp công trình kỹ thuật dân dụng giảm 1,0%;...

#### 4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp<sup>3</sup>

Mặc dù một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19; tuy nhiên, từ đầu năm đến ngày 15/9/2021 có 550 doanh nghiệp được đăng ký thành lập mới, tăng 6,2% so với cùng kỳ; bên cạnh đó, có 306 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 33,0% so với cùng kỳ; 55 doanh nghiệp giải thể, tăng 62,5%.

##### a) Tình hình đăng ký doanh nghiệp<sup>4</sup>

Tính đến ngày 15/9/2021, toàn tỉnh có 550 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký đạt 5.664,4 tỷ đồng, tăng 6,2% về số doanh nghiệp và tăng 70,1% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10,3 tỷ đồng, tăng 60,2% cùng kỳ năm trước.

Theo loại hình doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có 321 doanh nghiệp đăng ký mới, chiếm 58,4% tổng số, tăng 5,2% so với cùng kỳ; công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có 100 doanh nghiệp, chiếm 18,2% tổng số, bằng 81,3% cùng kỳ; công ty cổ phần có 126 doanh nghiệp, chiếm 22,9% tổng số, tăng 44,8%; doanh nghiệp tư nhân có 3 doanh nghiệp, tương đương cùng kỳ;...

Toàn tỉnh có 208 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 29,2% so với cùng kỳ, tập trung ở loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn với 151 doanh nghiệp, tăng 39,8%. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 306 doanh nghiệp, tăng 33,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 225 công ty trách nhiệm hữu hạn (*chiếm 73,5%*), 66 công ty cổ phần (*chiếm 21,6%*), 15 doanh nghiệp tư nhân.

Trong kỳ, số doanh nghiệp gặp khó khăn phải làm thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh là 52 doanh nghiệp (*tăng 20 doanh nghiệp so với cùng kỳ*), trong đó có 43 công ty trách nhiệm hữu hạn (*chiếm 82,7%*), 7 công ty cổ phần và 2 doanh nghiệp tư nhân.

#### Tình hình đăng ký doanh nghiệp

STT	Tình trạng hoạt động/ Loại hình doanh nghiệp	9 tháng	Cơ cấu (%)	9 tháng đầu
		đầu năm 2021 (tính đến 15/6)		năm 2021 so với cùng kỳ (%)
1	Doanh nghiệp đăng ký thành lập	550		106,2

<sup>3</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ

<sup>4</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ.

STT	Tình trạng hoạt động/ Loại hình doanh nghiệp	9 tháng đầu năm 2021 (tính đến 15/6)	Cơ cấu (%)	9 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ (%)
	Công ty cổ phần	126	22,9	144,8
	Công ty hợp danh	-	-	-
	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	100	18,2	81,3
	Công ty TNHH một thành viên	321	58,4	105,2
	Doanh nghiệp tư nhân	3	0,5	100,0
2	Vốn đăng ký (tỷ đồng)	5664,4		170,1
	Công ty cổ phần	2993,5	52,8	217,8
	Công ty hợp danh	-	-	-
	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	1122,4	19,8	173,7
	Công ty TNHH một thành viên	1545,0	27,3	118,2
	Doanh nghiệp tư nhân	3,5	0,1	142,9
3	Doanh nghiệp hoạt động trở lại	208		129,2
	Công ty cổ phần	48	23,1	117,1
	Công ty hợp danh	-	-	-
	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	63	30,3	140,0
	Công ty TNHH một thành viên	88	42,3	139,7
	Doanh nghiệp tư nhân	9	4,3	75,0
4	Doanh nghiệp đã giải thể	52		162,5
	Công ty cổ phần	7	13,5	116,7
	Công ty hợp danh	-	-	-
	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	9	17,3	112,5
	Công ty TNHH một thành viên	34	65,4	212,5
	Doanh nghiệp tư nhân	2	3,8	100,0
5	Doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động	306		133,0
	Công ty cổ phần	66	21,6	115,8
	Công ty hợp danh	-	-	-
	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	87	28,4	129,9
	Công ty TNHH một thành viên	138	45,1	142,3
	Doanh nghiệp tư nhân	15	4,9	166,7

### *b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp*

Kết quả điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh quý III năm 2021 cho thấy: Có 14,58% doanh nghiệp trả lời tình hình sản xuất kinh doanh quý tốt lên (*trong đó có 10,17% doanh nghiệp ngoài nhà nước và có 24,24% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất tốt lên*); 33,33% số doanh nghiệp có tình hình sản xuất ổn định giữ nguyên và 52,08% doanh nghiệp tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn hơn quý II/2021. Dự báo quý IV/2021, có 17,71% số doanh nghiệp trả lời tình sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn so với quý III/2021; 43,75% doanh nghiệp dự báo sẽ gặp khó khăn hơn. Xét về ngành sản xuất có 2/20 ngành dự báo 100% số doanh nghiệp sản xuất quý III giữ nguyên so với quý II/2021 và 8/20 ngành dự báo 100% số doanh nghiệp sản xuất khó khăn hơn (*trong đó, 100% doanh nghiệp nhà nước khó khăn hơn trong sản xuất*).

*Về khối lượng sản xuất:* có 62,50% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất trong quý III/2021 tăng và giữ ổn định so với quý II/2021 (*27,08% tăng và 35,42% giữ ổn định*); 37,50% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm. Xu hướng quý IV so với quý III/2021, có 64,58% doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng và ổn định (*19,79% tăng và 44,79% giữ ổn định*); có 35,42% doanh nghiệp dự báo giảm.

*Về đơn đặt hàng:* Quý III/2021 so với quý II/2021, có 60,0% doanh nghiệp đánh giá có đơn đặt hàng tăng và giữ ổn định (*14,74% tăng và 45,26% giữ ổn định*); 40,0% doanh nghiệp đánh giá giảm. Xu hướng quý IV so với quý III/2021, 67,02% doanh nghiệp dự báo có đơn hàng tăng và giữ ổn định; 32,98% doanh nghiệp dự báo giảm.

*Về đơn đặt hàng xuất khẩu:* Quý III/2021 so với quý II/2021, có 60,35% doanh nghiệp khẳng định số đơn hàng xuất khẩu mới tăng và giữ ổn định (*15,52% tăng; 44,83% giữ ổn định*); 39,66% doanh nghiệp đánh giá giảm. Xu hướng quý IV so với quý III/2021, có 66,67% doanh nghiệp dự báo có số đơn hàng xuất khẩu mới tăng và giữ ổn định, có 33,33% doanh nghiệp dự báo giảm.

## **5. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Mặc dù nhiều ngành sản xuất chịu ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh vẫn đạt được những kết quả tích cực. Sơ bộ năng suất cả năm các loại cây trồng chính giữ ổn định và tăng nhẹ; hoạt động chăn nuôi ổn định, chăn nuôi lợn phục hồi tích cực cả về số con hiện có lẫn sản phẩm xuất chuồng, không xuất hiện dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; sản xuất lâm nghiệp, thủy sản được đảm bảo.*

## 5.1. Sản xuất nông nghiệp

## a) Trồng trọt:

## Kết quả sản xuất một số cây trồng chủ yếu vụ mùa 2021

	Vụ mùa 2021			So với cùng kỳ (%)		
	Diện tích (Ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (Ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Lúa	24.085,5	53,20	128.140,6	96,5	101,0	97,5
Ngô	4.603,8	48,52	22.335,8	102,5	101,5	104,0
Rau xanh các loại	4.575,5	159,14	72.812,7	106,4	101,3	107,7

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm ước đạt 108,2 nghìn ha, giảm 0,9% (-1 nghìn ha) so với cùng kỳ. Trong đó diện tích lúa ước đạt 60,2 nghìn ha, giảm 1,8% (-1,1 nghìn ha) so với cùng kỳ; riêng vụ Mùa diện tích gieo trồng lúa giảm -868,2 ha, do một số diện tích chuyển sang đất phi nông nghiệp hoặc do người nông dân bỏ vụ Mùa không gieo cấy vì năng suất thấp chuyển sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn;... Diện tích ngô cả năm ước đạt 17 nghìn ha, tăng 0,6% (+107 ha); sắn ước đạt 5,6 nghìn ha, giảm 2,9% (-164,7 ha); khoai lang ước đạt 0,9 nghìn ha, giảm 23,7% (-291,3 ha); rau các loại ước đạt 15,4 nghìn ha, tăng 2,2% (+328,6 ha);... Diện tích gieo trồng cây rau xanh các loại có xu hướng tăng do nhu cầu tiêu dùng thị trường tăng, sản phẩm đa dạng dễ tiêu thụ, giá cả ổn định, đồng vốn quay vòng nhanh, hiệu quả kinh tế đạt khá,...

Năng suất lúa toàn tỉnh cả năm 2021 ước đạt 58,47 tạ/ha, tăng 3,0% (+1,73 tạ/ha) so với cùng kỳ; trong đó năng suất lúa vụ mùa ước đạt 53,20 tạ/ha, tăng 1,03% (+0,54 tạ/ha) so với cùng vụ năm trước; khác với hàng năm, năng suất lúa vụ Mùa năm nay đạt khá do thời tiết thuận lợi cho sinh trưởng phát triển các loại cây trồng.

Năng suất ngô cả năm toàn tỉnh ước đạt 48,92 tạ/ha, tăng 0,8% (+0,4 tạ/ha); trong đó năng suất Ngô vụ Mùa toàn tỉnh ước đạt 48,52 tạ/ha, tăng 1,5% (+0,7 tạ/ha) với cùng kỳ năm trước. Năng suất rau xanh ước đạt 160,87 tạ/ha, tăng 3,0% (+4,69 tạ/ha), trong đó năng suất rau xanh vụ Mùa toàn tỉnh ước đạt 159,14 tạ/ha, tăng 1,3% (+2,01 tạ/ha) với cùng kỳ năm trước;...



Tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh cả năm 2021 ước đạt 434,7 nghìn tấn, tăng 1,23% (+5,2 nghìn tấn) so với cùng kỳ, trong đó, sản lượng thóc ước đạt 351,7 nghìn tấn, tăng 1,2% (+4,1 nghìn tấn); sản lượng ngô ước đạt 83,0 nghìn tấn, tăng 1,5% (+1,2 nghìn tấn);... Tổng sản lượng các loại cây hàng năm khác cơ bản giữ ổn định và có xu hướng tăng nhiều ở cây rau, trong đó sản lượng rau xanh các loại đạt 246,9 nghìn tấn, tăng 5,3% (+12,3 nghìn tấn); sản lượng đậu các loại đạt 0,9 nghìn tấn, giảm 15,0% (-0,2 nghìn tấn); sản lượng khoai lang ước đạt 6,7 tấn, giảm 20,2% (-1,7 tấn); sản lượng sắn ước đạt 85,8 nghìn tấn; sản lượng lạc ước đạt 7,2 nghìn tấn; sản lượng đỗ tương ước đạt 163,2 tấn; sản lượng mía ước đạt 9,0 nghìn tấn.

Chín tháng đầu năm 2021, sản lượng chè búp tươi ước đạt 148,9 nghìn tấn, giảm 1,2% (+1,8 nghìn tấn) so với cùng kỳ; sản lượng chuối ước đạt 67,9 nghìn tấn tăng 3,3% (+2,2 nghìn tấn); sản lượng bưởi 8,2 nghìn tấn, tăng 11,4% (+0,8 nghìn tấn);...

#### b) Chăn nuôi

*Chín tháng đầu năm 2021, tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; chăn nuôi gia cầm tiếp tục phát triển; chăn nuôi lợn hồi phục mạnh, không xuất hiện dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tuy nhiên, do ảnh hưởng của việc thực hiện dân cách xã hội ở nhiều địa phương đã làm cho giá thịt lợn hơi giảm mạnh ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi của người dân.*

Tổng đàn trâu toàn tỉnh ước tính đạt trên 56,2 ngàn con, giảm 2,4% (-1,4 ngàn con) so cùng kỳ năm trước; tổng đàn bò ước tính đạt 105 ngàn con, giảm 3,4% (-3,7 ngàn con); tổng đàn đại gia súc giảm do nhu cầu sức kéo trong sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm nên số lượng trâu, bò nuôi chủ yếu thịt phục vụ đời sống. Tổng đàn lợn ước tính 684,5 ngàn con, tăng 6,5% (+42 ngàn con); tổng đàn gà ước tính đạt trên 14 triệu con, tăng 0,2% (+21,9 nghìn con) so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 3,6 ngàn tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước đạt 5,8 ngàn tấn, tăng 0,8%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 101,4 ngàn tấn, tăng 4,2%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 34,5 ngàn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng thịt gà ước đạt 29,4 ngàn tấn, tăng 5,7%.

Tổng sản lượng trứng gia cầm các loại ước đạt 359,6 triệu quả, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Riêng sản lượng trứng gà ước đạt 296,6 triệu quả, tăng 4,9%.

## 5.2. Lâm nghiệp

*Các chương trình như trồng mới rừng tập trung, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán, khai thác gỗ, lâm sản trên địa bàn tỉnh đã được triển khai đảm bảo kế hoạch đề ra.*

Tổng diện tích rừng trồng mới tập trung trong 9 tháng ước đạt 9,0 nghìn ha, giảm 4,3% (-0,4 nghìn ha) so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng gỗ các loại khai thác toàn tỉnh ước đạt 539,6 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 4,8% (+24,5 nghìn m<sup>3</sup>); sản lượng củi các loại khai thác ước đạt 59,6 nghìn ste, tăng 6,1% (+3,5 nghìn ste).

Tính đến hết tháng 9, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 3 vụ cháy rừng, làm cháy 0,48 ha rừng; phát hiện 56 vụ chặt phá rừng, tổng diện tích rừng bị chặt phá khoảng 9,19 ha.

## 5.3. Thủy sản

*Sản lượng nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định nhất là hình thức nuôi thủy sản lồng, bè; nhiều cơ sở đã chú trọng đưa một số giống cá cho sản lượng thu hoạch cao vào nuôi trồng,...*

Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 11,4 nghìn ha, tăng 112,7 ha so với cùng kỳ năm trước; toàn tỉnh hiện có 2.106 lồng nuôi thủy sản, tăng 130 lồng;... Tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng, khai thác 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 29,8 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 27,9 nghìn tấn, tăng 4,4%;...

## 6. Sản xuất công nghiệp (IIP)

*Sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2021 ổn định và tăng trưởng, IIP toàn ngành tăng 8,12% so với cùng kỳ năm trước; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng 7,92% và đóng vai trò chủ lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng chung toàn ngành công nghiệp.*

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 năm 2021 tăng 5,89% so với tháng trước (trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,19%). So với tháng cùng kỳ IIP tăng 9,35%, tăng chủ yếu ở công nghiệp chế biến, chế tạo (9,39%), trong đó: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 6,2 lần; sản xuất thiết bị điện tăng 43,68%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 32,87%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 27,92%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 16,32%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 11,11%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 8,62%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 5,69%; dệt tăng 2,3%;...

So với quý trước, sản xuất công nghiệp quý III/2021 tăng 22,58%, nguyên nhân chủ yếu do quý II/2021 một số ngành chủ đạo chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, sản xuất giảm,... So với cùng kỳ, sản xuất công nghiệp quý III tăng 6,12% nhờ sự tăng trưởng của các ngành cấp II công nghiệp chế biến, chế tạo: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (*trừ giường, tủ, bàn, ghế*),... tăng 4,6 lần; in, sao chép bản ghi các loại tăng 92,11%; sản xuất thiết bị điện tăng 28,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 16,53%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 15,98%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,16%; dệt tăng 10,79%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 10,08%;...

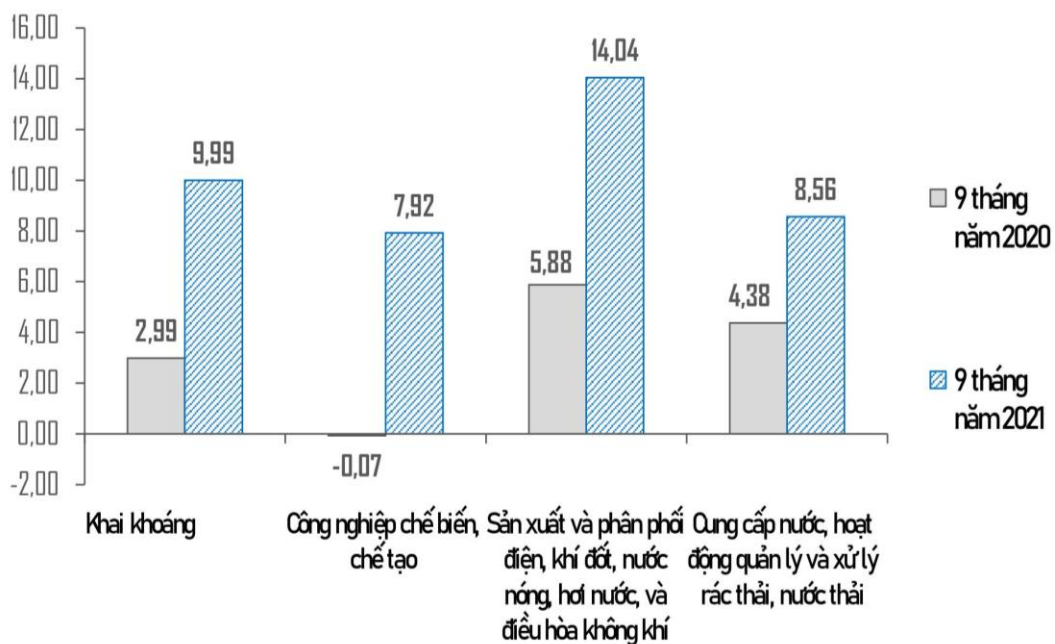
Chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Ngành	Quý III/2021 so với (%)	
	Quý II/2021	Quý III/2020
Toàn ngành	122,58	106,12
<i>Một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo</i>		
Sản xuất chế biến thực phẩm	118,34	92,55
Sản xuất đồ uống	78,71	82,35
Dệt	97,81	110,79
Sản xuất trang phục	114,36	99,29
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	92,53	110,08
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	91,56	111,16
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	61,80	75,25
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	109,10	115,98
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	102,71	98,54
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	212,63	116,53

Dịch bệnh được kiểm soát tốt đã tạo tiền đề tăng trưởng ổn định cho sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh; IIP 9 tháng đầu năm 2021 chung toàn ngành tăng 8,12% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 9,99%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,92%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 14,04%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,56%.

Trong các ngành sản xuất công nghiệp cấp II, những ngành có chỉ số sản xuất 9 tháng 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước gồm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (*trừ giường, tủ, bàn, ghế*) tăng 3,9 lần; in, sao chép bản ghi các loại tăng 2,5 lần; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 36,15%; sản xuất xe có động cơ tăng 25,67%; sản xuất trang phục tăng 25,54%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 19,83%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 15,87%; sản xuất thiết bị điện tăng 14,63%; dệt tăng 14,63%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,34%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 2,4%;... Ở chiều ngược lại một số ngành sản xuất giảm, thậm chí giảm sâu như: Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 65,57%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) giảm 17,8%; sản xuất đồ uống giảm 7,07%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 3,98%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 3,53%;...

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng so với cùng kỳ (%)



Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước: quần áo may sẵn (*tăng 24,84%*); giấy và bìa các loại (*tăng 19,83%*); giày thể thao (*tăng 15,87%*); sợi toàn bộ (*tăng 15,48%*); dung lượng ắc quy (*tăng 14,63%*); vải thành phẩm (*tăng 13,67%*); nước máy (*tăng 11,96%*); sản phẩm bằng plastic (*tăng 10,11%*); xi măng (*tăng 9,57%*); cao lanh (*tăng 0,75%*); phân NPK (*tăng 0,07%*);...

Sản xuất bị gián đoạn ở nhiều địa phương trên cả nước đã làm thu hẹp thị trường của một số sản phẩm công nghiệp, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế

biến chế tạo 9 tháng đầu năm 2021 giảm 2,31% so với cùng kỳ. Trong đó, giảm mạnh: Sản xuất đồ uống giảm 6,68%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 3,78%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 3,14%;... Các ngành còn lại, tiêu thụ khá gồm: chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (*trừ giường, tủ, bàn, ghế*) tăng 4,1 lần; in, sao chép bản ghi các loại tăng 2,5%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 2,1 lần; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 34,93%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) tăng 32,01%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 23,57%; sản xuất trang phục tăng 18,95%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 15,89%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 12,04%; sản xuất thiết bị điện tăng 11,11%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 10,69%; dệt tăng 7,16% so với cùng kỳ;...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến chế tạo thời điểm tháng 9/2021 tăng 18,31% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 2,7 lần; sản xuất trang phục tăng 2,6 lần; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 50,03%; dệt tăng 30,34%; sản xuất đồ uống tăng 20,34%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 18,76%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 18,47%; sản xuất thiết bị điện tăng 5,06%;...

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 9 năm 2021 giảm 0,48% so với tháng trước và giảm 2,30% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 3,56% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 10,25%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 4,92%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 18,44% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo giảm 2,25%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tương đương cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,74% so với cùng kỳ.

Số lao động ngành chế biến, chế tạo tháng 9 năm 2021 giảm chủ yếu ở các ngành: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 53,19%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 32,81%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 23,2%; khai khoáng khác giảm 19,3%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 18,22%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 15,38%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 11,61%; sản

xuất thiết bị điện giảm 10,34%; sản xuất xe có động cơ giảm 7,23%; sản xuất đồ uống giảm 6,1%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 4,68%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 4,64%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu giảm 1,68%;...

## **7. Thương mại, dịch vụ**

*Mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, nhất là việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn tỉnh từ đầu tháng 8 đến nửa đầu tháng 9 đã tác động mạnh đến nhiều ngành dịch vụ (đặc biệt là lưu trú, ăn uống) trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ vẫn giữ được ổn định và duy trì tăng trưởng; Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 6,1%, trong đó bán lẻ tăng 9,2%,...*

### **a) Bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội**

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2021 ước đạt 3.067,1 tỷ đồng, giảm 2,2% so với cùng kỳ. Sau 9 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 27.490,2 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 23.864,5 tỷ đồng, chiếm 86,8% tổng mức, tăng 9,2%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.541,8 tỷ đồng, chiếm 5,6% tổng mức, giảm 15,2%; doanh thu dịch vụ và du lịch ước đạt 2.083,8 tỷ đồng, chiếm 7,6% tổng mức, giảm 6%;...

Hoạt động bán lẻ tiếp tục là nhân tố chủ đạo thúc đẩy tổng mức tăng trưởng, trong đó: Xăng, dầu các loại tăng 16,3%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (*kể cả phụ tùng*) tăng 10,8%; đá quý, kim loại quý tăng 10,3%; lương thực, thực phẩm tăng 9,9%; nhiên liệu khác (*trừ xăng dầu*) tăng 9,1%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 7,7%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 6,7%; ô tô con (*dưới 9 chỗ ngồi*) tăng 5,1%; hàng may mặc tăng 4,9%; hàng hoá khác tăng 2,5%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục tăng 2,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 1,3%;...

Dịch bệnh và các chính sách nhằm khống chế bệnh dịch đã làm cho nhiều cơ sở hoạt động trong lĩnh vực lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ khác gặp khó khăn, cụ thể: doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 1.390,7 tỷ đồng, giảm 16,9%; doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 151,2 tỷ đồng, tăng 3,7%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 3,6 tỷ đồng, bằng 27,0% cùng kỳ;...

Một số chỉ tiêu lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành

	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ (%)
1. Dịch vụ lưu trú		
- Doanh thu dịch vụ lưu trú (Triệu đồng)	151.161,0	103,73
- Lượt khách phục vụ (Lượt khách)	810.798	100,33
- Ngày khách phục vụ (Ngày khách)	394.622	99,34
2. Doanh thu Dịch vụ ăn uống (Triệu đồng)	1.390.679,7	83,11
3. Dịch vụ du lịch lữ hành (Triệu đồng)	3.670,5	27,02

b) Xuất, nhập khẩu<sup>5</sup>

Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tháng 9/2021 ước đạt 872,5 triệu USD, tăng 5,1% so với tháng trước; tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa ước đạt 886,1 triệu USD, tăng 5%. Tính chung 9 tháng, xuất khẩu ước đạt 5.622,9 triệu USD, tăng 72,9% so với cùng kỳ; nhập khẩu ước đạt 5.706,3 triệu USD, tăng 90,3%.

Xuất, nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2021

	Ước thực hiện tháng 9/2021		Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Triệu USD)	So với tháng trước (%)	Giá trị (Triệu USD)	So với cùng kỳ (%)
Xuất khẩu	872,5	105,1	5.622,9	172,9
Nhập khẩu	886,1	105,0	5.706,3	190,3

c) Vận tải hàng hoá và hành khách

Tổng doanh thu vận tải tháng 9/2021 ước đạt 403,7 tỷ đồng, giảm 8,5% so với cùng kỳ. Sau 9 tháng, doanh thu vận tải ước đạt 3.815,5 tỷ đồng, tăng 2,8%; trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 2.947,4 tỷ đồng, tăng 4,3%; doanh

<sup>5</sup> Nguồn: Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ.

thu vận tải hành khách ước đạt 485,8 tỷ đồng, giảm 3,2%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 382,2 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ;....

Sản lượng hàng hóa vận chuyển tháng 9/2021 ước đạt 3,5 triệu tấn, giảm 1,4% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 375,0 triệu tấn.km, giảm 1,7%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 0,9 triệu hành khách, giảm 31,7% so với cùng kỳ; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 55,9 triệu hành khách.km, giảm 31,6%.

Tính chung 9 tháng, sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 31,3 triệu tấn, tăng 4,2%; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 3.393,8 triệu tấn.km, tăng 4,2%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 10,6 triệu hành khách, giảm 2,6%; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 637,4 triệu hành khách.km, giảm 2,7%.

## **8. Một số vấn đề xã hội**

### **a) Đời sống dân cư**

Trong kỳ, thu nhập, việc làm của người lao động chịu tác động mạnh của dịch bệnh nhưng nhờ có sự quan tâm của Chính phủ, các cấp chính quyền nên cơ bản đời sống của người dân được đảm bảo. Thu nhập bình quân/người/tháng của cán bộ, công nhân viên chức, người lao động ước đạt trên 7,2 triệu đồng.

Công tác an sinh xã hội được Đảng và Nhà nước quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Trong dịp Tết đã tổ chức hỗ trợ, thăm hỏi, động viên tặng quà người có công, gia đình chính sách 58.013 suất quà với tổng số tiền gần 15,7 tỷ đồng; các đối tượng xã hội hơn 48,3 nghìn suất quà với tổng số tiền gần 22 tỷ đồng và hơn 17 tấn gạo; các đối tượng khác hơn 4,1 nghìn suất quà với tổng số tiền hơn 2,2 tỷ đồng<sup>6</sup>.

Tính đến hết ngày 13/9/2021, trên địa bàn tỉnh có 7.602 lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp; số lao động có quyết định hưởng BHTN hàng tháng đạt 6.942 người, tổng số tiền chi trợ cấp thất nghiệp đạt 104 tỷ đồng; số người được hỗ trợ học nghề đạt 113 người, với số tiền chi hỗ trợ học nghề đạt 501,5 triệu đồng<sup>7</sup>;... Số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp hầu hết tập trung tại các khu công nghiệp, lao động phổ thông làm việc trong các ngành nghề may mặc và điện tử. Nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động chủ yếu là do người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc do thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động, một số ít buôn bán

<sup>6</sup> Nguồn: Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 16/02/2021 của UBND tỉnh.

<sup>7</sup> Trung tâm Dịch vụ việc làm- Sở LĐ TB&XH tỉnh Phú Thọ



nhỏ lẻ, bận con nhỏ, hết hạn hợp đồng lao động, thay đổi ngành nghề kinh doanh, tình giảm lao động do ảnh hưởng dịch bệnh.

Công tác chi trả, giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng chính sách, người có công và hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội được kịp thời, đã góp phần đảm bảo đời sống cho một bộ phận dân cư trên địa bàn tỉnh. Từ 01/01/2021 đến 31/8/2021 đã cấp phát trên 689 nghìn thẻ Bảo hiểm y tế, trong đó cấp miễn phí chủ yếu dành cho người dân tộc thiểu số (181,9 nghìn thẻ) và người sống tại vùng đặc biệt khó khăn (80,6 nghìn thẻ),...

Tính đến hết tháng 8 năm 2021, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã giải quyết cho trên 26,9 nghìn lượt đối tượng vay vốn với trên 1.115,4 tỷ đồng. Trong đó, đối tượng vay là hộ nghèo đạt 171,4 tỷ đồng, đối tượng vay là hộ cận nghèo đạt 207,7 tỷ đồng, đối tượng vay là hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn đạt 182,1 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Đến ngày 15/9/2021 tỉnh Phú Thọ đã triển khai đầy đủ, kịp thời 12 nhóm chính sách, tổng số tiền thực hiện chính sách đạt 37,6 tỷ đồng, với 3.409 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, 219.250 người lao động và trẻ em được thụ hưởng.

#### b) Giáo dục - đào tạo<sup>8</sup>

Ngành giáo dục thực hiện tốt giải pháp để hoàn thành chương trình, kế hoạch năm học (*dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp, dạy học kết hợp, dạy học qua truyền hình, dạy học qua internet,...*) trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 776 trường học đạt chuẩn quốc gia (*tăng thêm 12 trường so với năm học trước*), chiếm 86,0% tổng số trường học.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã kết thúc an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, vừa đảm bảo phòng, chống dịch, vừa đáp ứng được yêu cầu tổ chức thi. Kết quả dự thi cao hơn năm học trước: Điểm trung bình đạt 6,66 điểm, tăng 0,22 điểm so với năm 2020 (*xếp thứ 10/63 tỉnh, thành, tăng 03 bậc so với năm 2020*); tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,87% (*chỉ tính thí sinh THPT, không tính thí sinh tự do*); số học sinh có tổng điểm thi theo khối

---

<sup>8</sup> Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo.

thi (A, A1, B, C, D) từ 27 điểm trở lên có 394 thí sinh, tăng 123 học sinh; số học sinh có môn thi đạt điểm 10 có 941 học sinh, tăng 530 học sinh.

Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2020-2021 tỉnh Phú Thọ đạt 52 giải (*trong đó có 3 giải Nhất, 14 giải Nhì, 16 giải Ba và 19 giải Khuyến khích*), đứng thứ 13/63 tỉnh. Năm 2021 có 2 học sinh tham dự Olympic Sinh học quốc tế, kết quả 1 học sinh đạt Huy chương Bạc, 1 học sinh đạt Huy chương Đồng; có 1 học sinh đạt Huy chương Vàng Olympic Vật lý Châu Âu, là 1 trong 5 Huy chương Vàng tại cuộc thi với 46 nước tham gia.

### c) Tình hình y tế<sup>9</sup>

Đến ngày 16/9/2021, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ lũy tích có 35 ca bệnh, trong đó có 18 ca đã khỏi bệnh hoàn toàn, toàn tỉnh đã qua 14 ngày không có ca nhiễm Covid-19 thứ phát ghi nhận trong cộng đồng. Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành Y tế phối hợp với các sở, ngành thực hiện các biện pháp phòng chống dịch trong tình hình mới; đặt các chốt kiểm soát dịch tại các cửa ngõ giao thông ra, vào tỉnh; từng bước nới lỏng các biện pháp hạn chế;...

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và người dân về công tác phòng, chống dịch, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cao. Tại thời điểm ngày 16/9/2021, tại cơ sở cách ly tập trung của tỉnh (*Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh cũ*) có 12 trường hợp đang thực hiện cách ly; tại cơ sở cách ly tập trung - Khách sạn Hương Giang - thành phố Việt Trì đang thực hiện cách ly 17 trường hợp; có 3.021 trường hợp đang thực hiện cách ly tại nhà, nơi cư trú và 452 trường hợp đang tự theo dõi sức khỏe tại nhà.

Tính đến 6h00 ngày 17/9/2021, toàn tỉnh có 160.556 liều Vacxin Covid-19 đã được tiêm, trong đó: 97.492 người được tiêm mũi thứ 1 và 63.064 người được tiêm mũi thứ 2.

Tính đến hết tháng 8/2021, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 17 trường hợp mắc sốt phát ban nghi sởi (*giảm 07 trường hợp so với cùng kỳ*), 21 trường hợp mắc tay chân miệng (*giảm 42 trường hợp*) và 03 trường hợp liệt mềm cấp/nghi bại liệt (*giảm 03 trường hợp*).

---

<sup>9</sup> Nguồn: Sở Y tế.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) được chú trọng... Tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2021 đã kiểm tra 4.078 cơ sở thực phẩm, trong đó có 88,2% cơ sở đạt tiêu chuẩn ATVSTP. Tính từ đến hết tháng 8/2021, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào,...

d) Văn hóa, thể thao<sup>10</sup>

Ngành chức năng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực quan kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc và phục vụ các nhiệm vụ chính trị như: chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Mừng Đảng, Mừng Xuân; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; giỗ Tổ Hùng Vương năm Tân Sửu 2021; 130 năm ngày thành lập tỉnh Phú Thọ, tuyên truyền chuyên đề biển, đảo Việt Nam và công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19... Xây dựng 3 chương trình mới, tổ chức 1.217 buổi tuyên truyền chuyên đề về công tác phòng, chống dịch covid-19 và tuyên truyền Bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Tân Sơn, Hạ Hòa và Cẩm Khê tổ chức triển lãm trưng bày ảnh tư liệu và tranh cổ động tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;...

Tổ chức 410 buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị; 359 buổi chiếu phim phục vụ khoảng 89.750 lượt người xem tại 179 điểm chiếu của 87 xã tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, đất nước và tuyên truyền chuyên đề về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, công tác phòng, chống covid-19.

Trong các tháng đầu năm, ngành chức năng hướng dẫn các huyện, thị thành tổ chức các hoạt động thể thao dịp Tết Nguyên đán đảm bảo các quy định về an toàn và phòng chống Covid-19; tổ chức Hội thao chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tiến tới bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và Kỷ niệm 67 năm ngày thành lập Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh (29/4/1954 -5 29/4/2021). Phối hợp với UBND huyện Thanh Thủy tổ chức tập huấn và kiểm tra cấp giấy chứng nhận cứu hộ và người hướng dẫn tập luyện môn bơi, lặn năm 2021 cho 40 học viên trên địa bàn tỉnh.

---

<sup>10</sup> Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Thể thao thành tích cao tiếp tục nhận được chú trọng đầu tư, ngành chức năng đã duy trì đào tạo tập trung 143 vận động viên (VĐV) thuộc 8 môn thể thao (16 VĐV đội tuyển tỉnh, 127 VĐV đội tuyển trẻ) gồm: 56 VĐV Bóng đá; 18 VĐV Pencak Silat; 12 VĐV Bắn cung; 14 VĐV Đá cầu; 13 VĐV Wushu; 10 VĐV Điền kinh; 11 VĐV Bơi lội và 09 VĐV Vật; có 10 VĐV tham gia tập huấn đội tuyển quốc gia và đội tuyển trẻ quốc gia. Thi đấu 05 giải thể thao toàn quốc, giành được 07 huy chương các loại, trong đó: 01 HCV, 03 HCB và 03 HCD. Có 23 VĐV đạt đẳng cấp quốc gia Trong đó 05 VĐV Kiện tướng và 18 VĐV cấp I.

Tổ chức tốt các giải thể thao và đảm bảo các quy định về phòng chống dịch Covid-19: Trận thi đấu giao hữu bóng đá giữa Đội tuyển quốc gia Việt Nam và Đội tuyển U22 Việt Nam tại tỉnh Phú Thọ; trận thi đấu khai mạc và các trận đấu sân nhà của FC Phú Thọ tại giải Bóng đá Hạng Nhất quốc gia LS 2021; giải Bóng chuyên vô địch Quốc gia - cúp Hùng Vương năm 2021.

e) Tai nạn giao thông<sup>11</sup>

Quý III năm 2021 (từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021) trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, làm 13 người chết và 6 người bị thương (riêng từ ngày 15/8/2021 đến ngày 14/9/2021 xảy ra 4 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 4 người chết, 1 người bị thương).

Tính chung 9 tháng (từ ngày 15/12/2020 đến hết ngày 14/9/2021) trên địa bàn tỉnh xảy ra 25 vụ tai nạn giao thông đường bộ (giảm 8 vụ so với cùng kỳ năm 2020) và 14 vụ va chạm giao thông đường bộ, làm 29 người chết (giảm 9 người) và 19 người bị thương (giảm 1 người).

Ngành chức năng duy trì kiểm soát phòng, chống dịch Covid-19 tại 21 chốt kiểm soát theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 và Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh. Phối hợp với các lực lượng khác phát hiện, xử lý 12 tr/hợp vi phạm các quy định về phòng chống dịch (trốn tránh khai báo y tế 4 tr/hợp; sửa kết quả giấy xét nghiệm Covid-19 02 tr/hợp; không chấp hành biện pháp phòng chống dịch 1 tr/hợp; sử dụng giấy xét nghiệm của người khác 1 tr/hợp; dùng CMND/CCCD của người khác để qua chốt kiểm dịch 3 tr/hợp; hỗ trợ người khác trốn tránh khai báo y tế 1 tr/hợp); hoàn thiện hồ sơ xử lý 11 tr/hợp, phạt tiền 45.000.000 đồng; 1 tr/hợp đang hoàn thiện hồ sơ xử lý theo quy định của Pháp luật.

Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/9/2021 lực lượng cảnh sát giao thông công an tỉnh đã kiểm tra, lập biên bản xử lý 55.448 trường hợp vi phạm, xử phạt trên 48,7 tỷ đồng (riêng từ ngày 15/8/2021 đến ngày 14/9/2021 xử lý 4.075 trường hợp, xử phạt 3,3 tỷ đồng);...

<sup>11</sup> Nguồn: Ban An toàn giao thông tỉnh;

## f) Tình hình thiên tai

9 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xảy ra 11 đợt thiên tai, làm 2 người chết, 1 người bị thương; làm hư hại 73 ngôi nhà; gây thiệt hại 1.290 ha lúa, 37 ha hoa màu; 53 con gia súc bị chết, cuốn trôi; sạt lở 3.805 m đường giao thông;... Tổng giá trị thiệt hại ước tính 17,2 tỷ đồng.

## g) Tình hình cháy nổ, vi phạm môi trường

Tình hình cháy nổ: Từ ngày 17/8/2021 đến 16/9/2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xảy ra 3 vụ cháy (*huyện Thanh Ba 1 vụ, huyện Yên Lập 1 vụ, huyện Tân Sơn 1 vụ*), thiệt hại ước tính 366 triệu đồng. Tính từ ngày 17/12/2020 đến hết ngày ngày 16/9/2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 27 vụ cháy, giá trị thiệt hại ước tính 2.665 triệu đồng.

Tình hình vi phạm môi trường: Từ ngày 17/8/2021 đến ngày 16/9/2021, lực lượng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh đã phát hiện và xử lý 24 vụ vi phạm môi trường, xử phạt 300,2 triệu đồng. Tính từ ngày 17/12/2020 đến ngày 16/9/2021, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã phát hiện và xử lý 294 vụ vi phạm môi trường, với tổng số tiền xử phạt 7.740,5 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.

**Nơi nhận:**

- TCTK (Vụ TKTH);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT Cục Thống kê;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các HTT;
- Website Cục Thống kê;
- Lưu: VT, P.TKTH (2).

**Q. CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Hiền Minh**